

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
THỦ ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngày 24 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

- Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
- Mã chứng khoán: TDW
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, P.Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại: 08 3896 0240 Fax: 08 3896 0241
- Người thực hiện công bố thông tin: Hứa Trọng Nghi
- Chức vụ: Giám đốc.
- Loại thông tin công bố: định kỳ, bất thường, 24 giờ, theo yêu cầu.

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức công bố thông tin các nội dung sau:

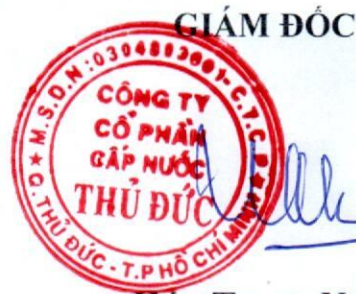
Nghị quyết phiên họp HĐQT số 004/NQ-HĐQT ngày 24/3/2020

Lý do: Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/3/2020 tại đường dẫn www.capnuocthuduc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Hứa Trọng Nghi

NGHỊ QUYẾT

PHIÊN HỌP LẦN THỨ HAI NĂM 2020

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Quyết định số 6662/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 24 tháng 3 năm 2020 .

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất các nội dung sau:

1) Kết quả hoạt động tài chính và Dự thảo BCTC kiểm toán năm 2019:

Thông qua Báo cáo kiểm toán độc lập do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC lập.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ%/KH
Tổng doanh thu	triệu đồng	807.974	850.458	105,26
Tổng chi phí	triệu đồng	787.102	826.274	104,98
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	20.872	24.184	115,87
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	16.697	19.484	116,69

2) Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019; Kế hoạch quỹ tiền lương của Người quản lý và Người lao động năm 2020.

Nội dung	Đvt	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
A. Người quản lý			
Số lượng NQL bình quân	người	6	6
Lương bình quân tháng	đ/ng/tháng	43.200.000	36.000.000
Quỹ tiền lương thực hiện	đồng	3.110.400.000	2.592.000.000
Thù lao thực hiện	đồng	504.000.000	504.000.000
B. Người lao động			
Số lượng LĐ bình quân	người	391	401

Nội dung	Đvt	Thực hiện	Kế hoạch
		2019	2020
Lương bình quân tháng	đ/người/tháng	17.000.000	17.000.000
Quỹ tiền lương thực hiện	đồng	79.764.000.000	81.804.000.000

Quỹ tiền lương và thù lao của Người quản lý sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

3) Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính năm 2020

Stt	Nội dung	Đvt	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
A Sản xuất kinh doanh				
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	1.000 m ³	90.587	95.200
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	triệu đồng	839.851	945.379
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	18,00	16,50
4	Gắn mới đồng hồ nước	cái	10.388	8.000
5	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	35.165	41.021
6	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	181	26
7	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100	100
B Tài chính				
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	850.458	953.279
2	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	19.484	25.602
3	Cổ tức	%	12,00	9,00

Kế hoạch tài chính năm 2020 tạm tính theo đơn giá nước mua bán si 6.027,77 đồng/m³.

4) Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020

- Danh mục công trình đầu tư xây dựng năm 2020 (đính kèm phụ lục 1, 2, 3).
- Nguồn vốn thực hiện dự án: Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn vay và vốn công ty, trong đó 70% vốn vay; 30% vốn công ty; các dự án khác sử dụng vốn công ty.
- Giao Giám đốc công ty lựa chọn ngân hàng và ký Hợp đồng vay vốn; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai để triển khai thực hiện các dự án theo danh mục được duyệt, nhưng phải đảm hiệu quả kinh tế và lãi suất vay phù hợp với mặt bằng chung.

5) Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019

a) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận phân phối năm nay		18.956.117.351
2	Chia cổ tức (12,00% vốn điều lệ)	53,81	10.200.000.000
3	Trích lập các quỹ		

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
3.1	Đầu tư phát triển :		1.877.768.287
	<i>Từ miễn giảm thuế</i>		527.850.936
	<i>Trích từ lợi nhuận phân phối</i>	7,12	1.349.917.351
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi xã hội	36,43	6.906.200.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	2,64	500.000.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này		-
5	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		10.288.161.933
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối		10.288.161.933

b) Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019:

- Ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức: 12/05/2020.
- Thời gian thanh toán: Từ ngày 29/5/2020.
- Tỷ lệ cổ tức: 12,00% (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng).
- Hình thức thanh toán: Bằng tiền

Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019 sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

6) Nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Nội dung tài liệu Đại hội gồm:

- Quy chế tổ chức Đại hội.
- Phần I. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Phần II. Báo cáo của Ban điều hành.
- Phần III. Định hướng hoạt động năm 2020.
- Phần IV. Tờ trình các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cổ đông.
- Phần V. Miễn nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- HĐQT - TCT;
- Phòng, ban, đội;
- Lưu.

TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT
THÀNH VIÊN HĐQT



Hứa Trọng Nghi

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP TỪ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

(Ban hành theo Nghị quyết 004/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2020)

Stt	Dan h mục công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2019	Nguồn vốn		Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Vay	Công ty				Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	I. PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI				2.499m	3.065	-	-	2.139	
1	PTMLCN Quận 9 đợt 3	x	x	Q.9	1.250m Ø125	1.540			1.463	Đang quyết toán
2	PTMLCN Quận Thủ Đức đợt 3	x	x	Q.TĐ	639m Ø125	725			36	Đang quyết toán
3	PTMLCN Quận 2 đợt 1	x	x	Q.9	610m Ø125	800			640	Hoàn tất lắp đặt ống
	II. CẢI TẠO NÂNG CẤP TUYẾN ỐNG:				6.954m	17.752	-	-	455	
4	Cải tạo nâng cấp tuyến ống cấp 3 trên lề trái đường Đặng Văn Bi (Võ Văn Ngân đến Nguyễn văn Bá), quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	1.675m Ø225	3.344			60	Đang quyết toán
5	Cải tạo nâng cấp tuyến ống cấp 3 đường Võ Văn Ngân lề trái (Từ ngã tư Thủ Đức đến vòng xoay chợ Thủ Đức), quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	1.629m Ø225 449m Ø180	4.816			105	Đã quyết toán
6	Cải tạo nâng cấp tuyến ống cấp 3 đường Võ Văn Ngân lề phải (Từ ngã tư Thủ Đức đến vòng xoay chợ Thủ Đức), quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	2.076m Ø280	5.892			105	Đã quyết toán
7	Đầu nối tuyến ống D400 tăng áp khu ĐHQG TPHCM	x	x	Q.TĐ	100m Ø400	1.600			80	Đang quyết toán
8	Cải tạo ống nhánh đường Trần Ngọc Diện, Cải tạo ống nhánh và ống cái đường số 1 và 4 làng báo chí, P. Thảo Điền, Quận 2	x	x	Q.2	800m Ø125	1.100			55	Đang quyết toán
9	Đầu nối tăng áp và lắp đặt ĐHT 250ly góc đường Mai Chí Thọ và Đồng Văn Cống, P.An Phú, Q.2	x	x	Q.2	225m Ø280	1.000			50	Đang quyết toán
	III. SỬA CHỮA ỐNG MỤC:				3.090m	9.306	3.090	9.306	6.980	
10	SCOM đường Phạm Văn Đồng (Từ Cầu Gò Dưa đến đường 41) Phường Hiệp Bình Chánh - Q.Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	850m Ø280 1.450m Ø125	4.891	850 1.450	4.891	3.669	Đang thi công
11	SCOM tăng áp tuyến ống Ø280 đường Phạm Văn Đồng (Từ Cầu Bình Triệu đến đường số 18) Phường Hiệp Bình Chánh - Q.Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	40m Ø315 750m Ø280	4.415	40 750	4.415	3.311	Đang thi công

Stt	Dan h mục công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2019	Nguồn vốn		Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Vay	Công ty				Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	IV. DI DỜI ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC:				17.724m	39.955	3.953	10.070	13.236	
12	Di dời đường ống cấp nước trên Xa lộ Hà Nội. Phía phải: Đoạn từ ngã tư Thủ Đức đến khu Công nghệ Cao Q.9	x	x	Q.9	1.293 m Ø280 30 m Ø150	3.566	-	-	230	Đã quyết toán
13	Di dời đường ống cấp nước trên Xa lộ Hà Nội phía phải đoạn từ đường vào UBND Quận 9 đến đường 546	x	x	Q.9	1.502 m Ø280 33 m Ø150	5.000	-	-	285	Đã quyết toán
14	Di dời đường ống cấp nước trên Xa lộ Hà Nội phía phải đoạn từ đường 546 đến Cầu Rạch Chiềc	x	x	Q.9	1.776 m Ø280 40 m Ø150	5.300	500	1.459	1.000	Tạm ngưng, chờ CII bàn giao mặt bằng
15	Di dời đường ống cấp nước trên XLHN phía phải: Đoạn từ đường vào UBND Quận 9 đến ngã tư Thủ Đức, Quận 9. Phía trái: Đoạn từ cầu vượt từ cầu vượt trạm 2 đến Đại học Quốc gia	x	x	Q.9	1.000 m Ø280 527 m Ø200	4.300	300	845	2.000	Tạm ngưng, chờ CII bàn giao mặt bằng
16	Di dời tuyến ống cấp nước đường Tăng Nhơn Phú (đoạn từ giao đường Đình Phong Phú đến giao đường Đỗ Xuân Hợp), Quận 9	x	x	Q.9	1.900 m Ø225	3.500	700	1.289	1.600	Tạm ngưng, chờ bàn giao mặt bằng
17	Di dời tuyến ống cấp nước đường Liên Phường (đoạn từ đầu tuyến đến Km0+364), Quận 9	x	x	Q.9	284 m Ø280 309 m Ø225	2.729	284 309	2.729	1.785	Tạm ngưng, chờ bàn giao mặt bằng
18	Di dời tuyến ống cấp nước đường Liên Phường (đoạn từ Km0+850 đến Km1+690), Quận 9	x	x	Q.9	852 m Ø280 860 m Ø225	3.759	150	329	2.600	Tạm ngưng, chờ bàn giao mặt bằng
19	Di dời tuyến ống cấp nước đường Liên Phường (đoạn từ Km1+690 đến cuối tuyến), Quận 9	x	x	Q.9	782 m Ø280 806 m Ø225	3.520	250	554	1.429	Tạm ngưng, chờ bàn giao mặt bằng
20	Di dời tuyến ống cấp nước đường Đỗ Xuân Hợp (đoạn từ Km3+572 đến Km4+316), Quận 2, Quận 9	x	x	Q.9	1.260 m Ø180	2.600	1.260	2.600	2.090	Tạm ngưng, chờ bàn giao mặt bằng
21	Di dời tuyến ống cấp nước đường Đỗ Xuân Hợp (đoạn từ Km4+316 đến Km4+916), Quận 2, Quận 9	x	x	Q.9	1.013 m Ø180	1.344	200	265	-	
22	Di dời tạm hệ thống cấp nước nằm trong phạm vi dự án " Xây dựng mới hệ thống thoát nước và cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông KP3, P. Linh Trung Q. Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	1.165 m Ø50	800			40	Đã quyết toán

Stt	Danh mục công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2019	Nguồn vốn		Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Vay	Công ty				Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
23	Di dời hệ thống cấp nước nằm trong phạm vi dự án " Xây dựng mới hệ thống thoát nước và cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông KP3, P. Linh Trung Q. Thủ Đức (đợt 1).	x	x	Q.TĐ	500 m Ø125 280 m Ø180	1.100			55	Đã quyết toán
24	Di dời hệ thống cấp nước nằm trong phạm vi dự án " Xây dựng mới hệ thống thoát nước và cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông KP3, P. Linh Trung Q. Thủ Đức (đợt 2).	x	x	Q.TĐ	1.150 m Ø125	1.200			60	Đã quyết toán
25	Di dời tuyến ống cấp nước lẻ phải đường Lương Đình Của (Từ đường số 31 đến Nguyễn Thi Định), Quận 2	x	x	Q.2	362 m Ø280	1.237			62	Đang quyết toán
				CỘNG	30.267 m	70.078	7.043	19.376	22.810	
	V. CÔNG TRÌNH KHÁC:					12.000	-	2.000	2.010	
26	Lắp đặt ĐHT phân vùng tách mạng Q.Thủ Đức đợt 1	x	x	Q.TĐ	8 DMA	5.000			55	Đã nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đang quyết toán.
27	Lắp đặt ĐHT phân vùng tách mạng Q.Thủ Đức đợt 2	x	x	Q.TĐ	8 DMA	5.000			55	Đã nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đang quyết toán.
28	Lắp đặt đồng hồ tổng tiêu vùng đợt 4	x	x	Q.2; Q.9; Q.TĐ	6 DMA	1.000		1.000	950	Đang thỏa thuận tuyến
29	Lắp đặt đồng hồ tổng tiêu vùng đợt 5	x	x	Q.2; Q.9; Q.TĐ	7 DMA	1.000		1.000	950	Đang thi công
				TỔNG CỘNG	30.267 m	82.078	7.043	21.376	24.820	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI - NĂM 2020

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

(Ban hành theo Nghị quyết 004/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2020)

Stt	Danh mục công trình khởi công mới năm 2020	Nguồn vốn		Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Vay	Công ty				Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	I. PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI				5.800m	9.000	5.800	9.000	8.550	
1	Phủ kín mạng lưới cấp nước quận 9	x	x	Q.9	1.500m Ø125	2.000	1.500	2.000	1.900	
2	Phủ kín mạng lưới cấp nước quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	1.500m Ø125	2.000	1.500	2.000	1.900	
3	Phát triển mạng lưới cấp nước đường Linh Trung, P.Linh Trung quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	800m Ø180	1.500	800	1.500	1.425	
4	PTMLCN dọc đường Nguyễn Văn Hưởng, P.Thảo Điền, Quận 2	x	x	Q.2	2.000m Ø280	3.500	2.000	3.500	3.325	
	II. SỬA CHỮA ỚNG MỤC				23.038m	25.900	23.038	25.900	24.605	
5	Sửa chữa ống mục đường 2, đường 17, đường 18 và các hẻm đường Phạm Văn Đồng, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	5.200m Ø100	5.600	5.200	5.600	5.320	
6	Sửa chữa ống mục đường 19, đường 20, đường 21 và các hẻm đường Phạm Văn Đồng, phường Hiệp Bình Chánh,	x	x	Q.TĐ	750m Ø150 3.210m Ø100	4.300	750 3.210	4.300	4.085	
7	Sửa chữa ống mục đường 23, đường 24 và các hẻm đường Phạm Văn Đồng, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	2.607m Ø150 510m Ø100	4.500	2.607 510	4.500	4.275	
8	Sửa chữa ống mục khu vực quận 2 (đợt 1) - Đường 1, đường 25, đường 26 phường Bình An - Đường 11, đường 47 phường Thảo Điền - Đường 14 và các hẻm phường Bình Trưng Tây - Đường Lê Đình Quán, đường 24, đường 25, đường 26, đường 28 và các hẻm phường Cát Lái	x	x	Q.2	1.153m Ø150 3.536m Ø100	5.000	1.153 3.536	5.000	4.750	
9	Sửa chữa ống mục khu vực quận 2 (đợt 2) - Đường 30 và các hẻm phường Cát Lái	x	x	Q.2	1.206m Ø150 2.179m Ø100	3.500	1.206 2.179	3.500	3.325	

Stt	Danh mục công trình khởi công mới năm 2020	Nguồn vốn		Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Vay	Công ty				Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	- Đường 9 và các hẻm phường Thảo Điền - Hẻm 543 đường Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông - Đường Nguyễn Văn Giáp, đường 42 và các hẻm phường Bình Trưng Đông									
10	Sửa chữa ống mục khu vực quận 9 - Đường Cầu Xây 1, đường 138, đường Nam Cao phường Tân Phú - Đường Mạc Hiến Tích, phường Long Bình	x	x	Q.9	1.587m Ø150 1.100m Ø100	3.000	1.587 1.100	3.000	2.850	
	III. DI DỜI ĐƯỜNG ỐNG				180m	1.200	180	1.200	1.140	
11	Di dời tuyến ống cấp nước D350 và đồng hồ tổng 300 ly Khu chế xuất Linh Trung II, P.Linh Trung.Q.Thủ Đức	x	x		180 m Ø300	1.200	180	1.200	1.140	
				CỘNG	29.018 m	36.100	29.018	36.100	34.295	
	IV. CÔNG TRÌNH KHÁC					9.300		3.000	4.433	
12	Trang bị bản quyền phần mềm ArcGIS		x			4.300			1.433	
13	Cải tạo, sửa chữa văn phòng làm việc Công ty		x			5.000		3.000	3.000	
				TỔNG CỘNG	29.018 m	45.400	29.018	39.100	38.728	

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ - NĂM 2020
Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
(Ban hành theo Nghị quyết 004/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2020)

Stt	Dan h mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2020	Nguo n v n		Đi a đ i ể m	N ă n g l ự c thi ế t k ế	T ồ n g v ố n đ ầ u t ư	K ế h o ả c n ă m 2020			Ghi chú
		Vay	Công ty				Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	I. SỬA CHỮA ỒNG MỤC				24.599m	51.416	-	-	-	
1	SCOM các hẻm Quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	3.000m Ø180 1.300m Ø125 300m Ø225	5.541				
2	SCOM Các hẻm Quận 2	x	x	Q.2	720m Ø180 1.500m Ø125	4.179				
3	SCOM Các hẻm Phường Bình Trưng Đông - Q.2	x	x	Q.2	857m Ø125 1.620m Ø180	5.000				
4	SCOM Các hẻm phường Tân Phú, Phước Long A, Phước Long B, Q.9	x	x	Q.9	580m Ø280 1.374m Ø180 195m Ø125	4.300				
5	SCOM các hẻm Phường Phước Long B - Quận 9	x	x	Q.9	2.809m Ø125	5.200				
6	SCOM đường 11, 12 Phường Long Bình - Q.9	x	x	Q.9	1.898m Ø180 512m Ø125	4.500				
7	SCOM đường Hoàng Hữu Nam đoạn từ trường Nguyễn Minh Quang đến đường 13, Phường Long Bình - Q.9	x	x	Q.9	1.586m Ø225	4.800				
8	SCOM đường Hoàng Hữu Nam đoạn từ đường Lê Văn Việt đến trường Nguyễn Minh Quang, P. Long Thạnh Mỹ-Q.9	x	x	Q.9	1.337m Ø180	3.200				
9	SCOM đường Hoàng Hữu Nam đoạn từ đường Lê Văn Việt đến trường Nguyễn Minh Quang, Phường Tân Phú - Q.9	x	x	Q.9	1.337m Ø180	3.200				
10	SCOM đường Phạm Văn Đồng (Từ đường số 18 đến đường 26) Phường Hiệp Bình Chánh - Quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	1.350m Ø280 20m Ø180 140m Ø125	4.775				

Stt	Danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2020	Nguồn vốn		Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Vay	Công ty				Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
11	SCOM đường Phạm Văn Đồng (Từ đường đường 26 đến cầu Gò Dưa) Phường Hiệp Bình Chánh - Quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	1.200m Ø280 180m Ø125	4.321				
12	SCOM đường 23 Phường Hiệp Bình Chánh - Q.Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	784m Ø225	2.400				
II. DI DỜI ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC					12.625m	22.925	-	-	-	
13	Di dời hệ thống cấp nước trong phạm vi xây dựng cầu Nam Lý Quận 2, Quận 9	x	x	Q.2	760 m Ø225	2.322				
14	Di dời tuyến ống cấp nước trong phạm vi công trình xây dựng mới cầu Ông Bồn, quận 9	x	x	Q.9	180 m Ø225	500				
15	Di dời tuyến ống cấp nước trong phạm vi công trình xây dựng mới cầu Làng, quận 9	x	x	Q.9	380 m Ø225	1.000				
16	Di dời tuyến ống cấp nước lẻ phải đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao Gò Dưa Q.Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	2.600 m Ø180 400 m Ø150	5.000				
17	Di dời tuyến ống cấp nước lẻ trái đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao Gò Dưa Q.Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	2.600 m Ø180 400 m Ø150	5.000				
18	Di dời tuyến ống cấp nước lẻ phải đường Lương Đình Của (Từ Trần nã đến khu dự án Thuận Việt), Quận 2	x	x	Q.2	700 m Ø180	1.200				
19	Di dời tuyến ống cấp nước lẻ trái đường Lương Đình Của (Từ UBND Phường An Phú đến Mai Chí Thọ), Quận 2	x	x	Q.2	1.200 m Ø180	2.000				
20	Di dời tuyến ống cấp nước đường Thảo Điền, Quốc Hương, Xuân Thủy, Quận 2	x	x	Q.2	50 m Ø180 550 m Ø125 50 m Ø280	1.000				
21	Di dời tuyến ống cấp nước trong phạm vi dự án xây dựng đường và hệ thống thoát nước Quốc lộ 13 cũ, quận Thủ Đức	x	x	Q.TĐ	1.950 m Ø180 805 m Ø125	4.903				
		CỘNG			37.224m	74.341	-	-	-	

